|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  TRƯỜNG THPT…. | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**  **Năm học 2022 – 2023**  **Môn: Ngữ văn, lớp 10**  *Thời gian làm bài*: 90 phút, *không kể thời gian phát đề* |

**I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)**

Đọc văn bản: THẾ GIAN BIẾN ĐỔI

*Nguyễn Bỉnh Khiêm*

*Thế gian biến cải vũng nên đồi,*

*Mặn nhạt, chua cay lẫn ngọt bùi*

*Còn bạc, còn tiền còn đệ tử*

*Hết cơm, hết gạo hết ông tôi.*

*Xưa nay đều trọng người chân thực,*

*Ai nấy nào ưa kẻ đãi bôi.*

*Ở thế mới hay người thế bạc,*

*Giàu thì tìm đến, khó tìm lui.*

(Nguyễn Quân, *Bạch Vân quốc ngữ thi tập*, NXB Sống Mới 1974,

Nguồn: thivien.net)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1**. Chỉ ra thể thơ được sử dụng trong văn bản.

**Câu 2**. Xác định từ ngữ chỉ người trong văn bản.

**Câu 3**. Nêu nội dung dòng thơ thứ nhất: *Thế gian biến cải vũng nên đồi.*

**Câu 4**. Anh/chị hiểu tác dụng phép đối trong dòng thơ 3,4 như thế nào?

**Câu 5**. Văn bản phê phán thói xấu gì của con người?

**Câu 6**. Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với anh/chị rút ra từ văn bản trên.

**II. LÀM VĂN (5,0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| Trình bày cảm nhận của anh/chị về *quan niệm sống Nhàn* và *vẻ đẹp nhân cách*của Nguyễn Bỉnh Khiêm trong bài thơ sau:  **Nhàn**  (Nguyễn Bỉnh Khiêm)  *Một mai[1], một cuốc, một cần câu, Thơ thẩn dầu ai[2] vui thú nào. Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ, Người khôn, người đến chốn lao xao. Thu ăn măng trúc, đông ăn giá, Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao. Rượu, đến cội cây[3], ta sẽ uống, Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao[4].*  (Theo *Ngữ văn* *10*, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 129) | [1] Mai: dụng cụ đào đất, xắn đất.  [2] Dầu ai: mặc cho ai. Dù ai có cách vui thú nào cũng mặc, tôi cứ thơ thẩn (giữa cuộc đời này).  [3] Cội cây: gốc cây  [4] Hai câu 7 và 8 tác giả có ý dẫn điển Thuần Vu Phần uông rượu say nằm ngủ dưới gốc cây hoè, rồi mơ thấy mình ở nước Hoè An, được công danh phú quý rất mực vinh hiển. Sau bừng mắt tỉnh dậy thì hoá ra đó là giấc mộng, thấy dưới cành hoè phía nam chỉ có một tổ kiến mà thôi. Từ đó điển này có ý: phú quý chỉ là một giấc chiêm bao. |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **% Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |  |
| ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***( %)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Số***  ***câu hỏi*** | ***Thời gian (phút)*** |
| **1** | Đọc hiểu | 15 | 5 | 15 | 5 | 10 | 10 | 0 | 0 | 06 | 20 | 40 |
| **2** | Làm văn | 25 | 10 | 15 | 10 | 10 | 20 | 10 | 30 | 01 | 70 | 60 |
| **Tổng** | | **40** | **15** | **30** | **15** | **20** | **30** | **10** | **30** | **07** | **90** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | |  |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | **70** | | | | **30** | | | |  | | **100** |

***Lưu ý:***

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.

- Cách tính điểm của mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án và hướng dẫn chấm*.

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | - Đọc hiểu thơ Đường luật trung đại Việt Nam/ thơ Đường/  (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  - Xác định được phương thức biểu đạt, thể thơ của văn bản/đoạn trích thơ Đường luật trung đại Việt Nam/ thơ Đường/thơ hai-cư.  - Xác định được đề tài; chi tiết, hình ảnh nghệ thuật đặc sắc của văn bản/ đoạn trích.  - Chỉ ra được thông tin trong văn bản/đoạn trích.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: bức tranh thiên nhiên, đời sống; tâm sự của tác giả,...  - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: hình ảnh, ngôn ngữ, biện pháp tư từ,...  - Hiểu được một số đặc trưng của thơ Đường luật trung đại Việt Nam/ thơ Đường/thơ hai-cư thể hiện trong văn bản/đoạn trích.  **Vận dụng:**  - Nhận xét ý nghĩa, giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức của văn bản/đoạn trích.  - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản/đoạn trích. | 3 | 2 | 1 | 0 | 6 |
| **2** | **LÀM VĂN** | - Nghị luận về thơ Đường, thơ Đường luật trung đại Việt Nam;  *Nhàn* (Nguyễn Bỉnh Khiêm) |  |  |  |  |  | 1\* |
| **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận  - Nêu được thông tin về tác giả, tác phẩm.  - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được những giá trị về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm theo yêu cầu đề bài: hoài bão, khát vọng, lí tưởng của con người thời trung đại; những suy ngẫm về số phận con người, cuộc đời và thế sự; vẻ đẹp hàm súc cổ điển của thơ Đường,…  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng tạo lập văn bản; kiến thức đã học về thơ Đường luật trung đại Việt Nam/thơ Đường để viết bài văn nghị luận đáp ứng yêu cầu của đề bài.  **Vận dụng cao:**  - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.  - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.  - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong bài thơ đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. |
| **Tổng** | | |  |  |  |  |  | **7** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40** | **30** | **20** | **10** |  |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70** | | **30** | |  |

**Lưu ý:**

- Đối với các câu hỏi ở phần Đọc hiểu, mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của *Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá* tương ứng (một chỉ báo là một gạch đầu dòng)

- Những đơn vị kiến thức/kĩ năng của các bài học Tiếng Việt, Làm văn, Lí luận văn học, Lịch sử văn học được tích hợp trong kiểm tra, đánh giá ở phần Đọc hiểu và phần Làm văn.

- (1\*) Một bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  TRƯỜNG THPT…. | **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**  **Năm học 2022 - 2023**  **Môn: Ngữ văn, lớp 10**  *Thời gian làm bài*: 90 phút, *không kể thời gian phát đề* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | | **Câu** | | **Nội dung** | | **Điểm** | |
| **I** | |  | | **ĐỌC HIỂU** | | **4,0** | |
|  | | **1** | | Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời không đúng thể thơ: không cho điểm.* | | 0,5 | |
| **2** | | Từ ngữ chỉ người trong văn bản: *đệ tử, ông tôi, người chân thực, kẻ đãi bôi.*  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Học sinh trả lời như Đáp án: 0,75 điểm.*  *- Học sinh trả lời “đệ tử” hoặc “ông tôi”: 0,25 điểm.* | | 0,75 | |
| **3** | | Nội dung dòng thơ thứ nhất: *Thế gian biến cải vũng nên đồi:*  -Khái quát quy luật của tạo hóa: Vạn vật luôn có sự vận động biến đổi, cảnh vật thay đổi và cả lòng người cũng sẽ đổi thay.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời như Đáp án hoặc có ý tương đương: 0,75 điểm.*  *- Học sinh trả lời không đúng Đáp án: không cho điểm* | | 0,75 | |
| **4** | | Hiểu tác dụng phép đối trong dòng thơ 3,4:  - Nhấn mạnh sự đối lập giữa hai hoàn cảnh: lúc giàu sang, khá giả thì nhiều người theo, nhiều người tôn trọng; lúc nghèo khó thì không ai quan tâm. Khái quát triết lí về cách ứng xử của con người trong những hoàn cảnh khác nhau.  - Tạo sự cân đối, hài hòa cho lời thơ.  ***Hướng dẫn chấm***:  *- Học sinh trả lời như đáp án hoặc có ý tương đương: 1,0 điểm*  *- Học sinh trả lời 01 trong 02 ý của đáp án: 0,5 điểm* | | 1,0 | |
|  | | **5** | | Văn bản phê phán thói xấu của con người: Thói hám danh, vụ lợi và phù thịnh.  ***Hướng dẫn chấm***:  *- Học sinh trả lời như đáp án hoặc có ý tương đương: 1,0 điểm*  *- Học sinh trả lời không đúng Đáp án: không cho điểm* | | 1,0 | |
|  | | **6** | | Bài học ý nghĩa nhất rút ra từ văn bản trên:  -Không nên sống vụ lợi, hám danh, mải chạy theo những giá trị vật chất mà quên đi tình nghĩa con người.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Trình bày thuyết phục: 1,0 điểm.*  *- Trình bày chung chung: 0,5 điểm-0,75 điểm.*  *- Trình bày thiếu thuyết phục: 0,25 điểm.* | | 1,0 | |
| **II** | |  | | **LÀM VĂN** | |  | |
|  | |  | | Trình bày cảm nhận của anh/chị về *quan niệm sống Nhàn* và *vẻ đẹp nhân cách*của Nguyễn Bỉnh Khiêm trong bài thơ | | **5,0** | |
| *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | |  | |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  *Quan niệm sống Nhàn* và *vẻ đẹp nhân cách*của Nguyễn Bỉnh Khiêm trong bài thơ  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.*  - *Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.* | | 0,5 | |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: | |  | |
| *\* Giới thiệu* tác giả Nguyễn Bỉnh Khiêm, tác phẩm *Nhàn và vấn đề cần nghị luận.*  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Giới thiệu tác giả: 0.25 điểm*  *- Giới thiệu tác phẩmv và vấn đề cần nghị luận: 0.25 điểm* | | 0,5 | |
| *\* Quan niệm sống Nhàn* và *vẻ đẹp nhân cách*của Nguyễn Bỉnh Khiêm trong bài thơ:  - Quan niệm sống *Nhàn* của Nguyễn Bỉnh Khiêm:  + Nhàn là vui với thú điền viên (*một mai, một cuốc, một cần câu*), mặc cho “*ai vui thú nào*”.  + Nhàn là nhận *dại* về mình, nhường *khôn* cho người, tìm về chốn thôn quê thanh vắng, đứng ngoài vòng danh lợi để được sống tự do, tự tại.  + Nhàn là thoải mái tận hưởng những thứ có sẵn ở chốn thôn quê, thuận theo lẽ tự nhiên mà không cần mưu cầu, tranh đoạt, coi phú quý như chiêm bao.  -Vẻ đẹp nhân cách của Nguyễn Bỉnh Khiêm  + Đó là chân dung của một con người yêu cuộc sống giản dị, đạm bạc, chan hòa với thiên nhiên.  + Ông chủ động tìm đến cuộc sống "nơi vắng vẻ" để rời xa nơi quan trường thị phi luôn ẩn chứa những lọc lừa, thủ đoạn.  + Ông tự cho mình là kẻ ngu dại nhưng thực chất đó là cái dại của con người có bản lĩnh.  + Ông quan niệm phú quý giống như một giấc chiêm bao và lên tiếng cảnh tỉnh con người hãy đủ tỉnh táo để không bị danh lợi cám dỗ.  \* *Nghệ thuật*: thể thơ thất ngôn, ngôn từ giản dị, nhịp điệu khoan thai, hình ảnh, chi tiết giàu ý nghĩa biểu tượng...  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Trình bày đầy đủ, sâu sắc quan niệm sống Nhàn* và *vẻ đẹp nhân cách: 2,5 điểm*  *- Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc quan niệm sống Nhàn* và *vẻ đẹp nhân cách: 1,25 điểm - 2,25 điểm.*  *- Trình bày chung chung, chưa rõ: 0,25 điểm – 1,0 điểm* | | 2,0 | |
| \* *Đánh giá*:  Bài thơ bộc lộ thái độ coi thường danh lợi trong hoàn cảnh chế độ phong kiến suy vi; thể hiện nhân cách cao đẹp, tài năng thi ca của Nguyễn Bỉnh Khiêm.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.* | | 0,5 | |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:***  *Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | | 0,5 | |
| *e. Sáng tạo:* vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.  ***Hướng dẫn chấm***  *+ Đáp ứng được 3 yêu cầu trở lên: 1,0 điểm.*  *+ Đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,75 điểm.*  *+ Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,5 điểm.* | | 1,0 | |
| **Tổng điểm** | | | | | | **10,0** | |